

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thúy Kiều

Ông Bùi Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc **“Tranh chấp xin ly hôn”**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1993 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Vĩnh B, xã Vĩnh T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh Lê Văn N, sinh năm 1992 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Tân T A, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Đặng Thị C trình bày:

Vào ngày 21/12/2019 cha mẹ hai bên có tổ chức lễ cưới cho tôi và Lê Văn N, ngày cưới cha mẹ cho 8,5 chỉ vàng 4 sô. Nay vợ chồng đã chi xài hết. Chúng tôi có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 24/12/2019. Chúng tôi không có con chung

Sống chung không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Thời gian đầu chúng tôi sống đầm ấm hạnh phúc nhưng thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi bất đồng quan điểm sống nên chúng tôi không thể nào sống chung với nhau được nữa và chúng tôi bắt đầu ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Mâu thuẫn của chúng tôi không ai biết.

Nay tôi yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn N

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu xem xét giải quyết

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu xem xét giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn tại đơn yêu cầu đề ngày 20/8/2021 như sau:

Tôi có nhận được thông báo thụ lý, thông báo hòa giải của Tòa án Ngã Năm. Tôi và chị Đặng Thị C đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/12/2019 tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Trong cuộc sống hàng ngày thì vợ chồng thường xuyên cự cãi không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã ly thân với nhau để suy nghĩ tình cảm vợ chồng nhưng thời gian ly thân nhận thấy không thể giải quyết mâu thuẫn và không thể hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Nay chị C yêu cầu ly hôn tôi cũng đồng ý. Về con chung không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn không yêu cầu xem xét giải quyết. Do tình hình dịch bệnh nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết chị C và anh N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N, chị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị C và anh Lê Văn N sống chung trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Sau khi thụ lý, tòa án cũng tiến hành thủ tục hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh, chị nhưng chị C và anh N đều cho rằng hôn nhân không thể hàn gắn. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương,

quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc chị C yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39, khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị Đặng Thị C được ly hôn với anh Lê Văn N.

[3] Về con chung: Chị C và anh N cho rằng sống chung không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình theo quy định. Tiền án phí của chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu số 0001030 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xem như chị C nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị C. Chị Đặng Thị C được ly hôn với anh Lê Văn N
2. Về con chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết
3. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
4. Về án phí sơ thẩm: chị Đặng Thị C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001030 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xem như chị C nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND phường A, thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh